

20. XÃ TÂN HƯƠNG

STT	Tuyến Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Đường cao tốc Trung Lương - TP.HCM và cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Đoạn còn lại bên có Đường gom dân sinh (không thuộc Đường huyện 39B)		650
2	Quốc lộ 1	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	Giáp xã Châu Thành	5.000
3	Đường tỉnh 866	Ranh xã Châu Thành - xã Tân Hương (kênh 30/4)	Đường đan Mười Tê	4.000
		Đường đan Mười Tê	Đường vô khu tái định cư	3.000
		Đường vô khu tái định cư	Chân cầu Vượt Cao tốc số 9	2.400
		Chân cầu Vượt Cao tốc số 9	Giáp xã Hưng Thạnh	1.750
4	Đường tỉnh 866B	Giáp Đường tỉnh 866	Chợ Tân Lý Đông mới	3.600
		Chợ Tân Lý Đông mới	Giáp xã Tân Phước 3	2.000
5	Đường tỉnh 878B (Đường huyện 30 cũ)	Từ mốc lộ giới Quốc lộ 1 trở vào 100m	Toàn tuyến	2.600
		Đoạn còn lại		2.000
6	Đường tỉnh 878	Đoạn qua địa bàn xã Hương		3.600
7	Đường huyện 31 (Hưng lộ 18 cũ)	Quốc lộ 1	Mép nhựa Quốc lộ 1 trở vào 100m (xã Tân Hương)	2.700
		Đoạn còn lại (xã Tân Hương và xã Tân Hội Đông (cũ))		2.350
8	Đường huyện 38 (Đường Kênh Quảng Thọ - Kênh Phủ Chung)	Đoạn qua địa bàn xã Tân Hương		950




9	Đường huyện 39B (Đường gom (bên trái tuyến) cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương	Đường Tân Hiệp Thân Đức (lộ dây thép áp Tân Lập xã Tân Lý Đông cũ)	Cầu Xáng Múc (ấp Tân Lược 2)	950
	Đoạn còn lại			900
10	Chợ Tân Hội Đông (trừ phần mặt tiền Đường tỉnh 866)	Toàn khu		3.000
11	Chợ Tân Hương	Toàn khu		5.800
12	Chợ Tân Lý Đông (cũ + mới) (trừ mặt tiền Đường tỉnh 866B)	Toàn khu		4.200
13	Đường vào cổng 1 khu công nghiệp Tân Hương (cổng hướng ra Quốc lộ 1)	Toàn tuyến		4.800
14	Đường vào cổng 2 khu công nghiệp Tân Hương (cổng hướng ra Đường huyện 31)	Toàn tuyến		2.600
15	Đường vào cổng 4 khu công nghiệp Tân Hương (cổng hướng ra Đường số 14 khu tái định cư Tân Hương)	Toàn tuyến		800
16	Đường Lê Hồng Châu (đoạn từ Quốc lộ 1 đến ngã ba trụ sở ấp Tân Thạnh); Đường Nguyễn Hoài Việt (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Châu Văn Đáo); Đường Lộ Làng; Đường Ngô Văn Huê (đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Châu Văn Đáo); Đường Nguyễn Thanh Hà; Đường Phạm Ngọc Thành đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Châu Văn Đáo); Đường Liên Tân; Đường vào cổng 5 Khu công nghiệp Tân Hương (Đường Ga ông Táo cũ)			950
17	Đường Nguyễn Hoài Việt (đoạn còn lại), Đường Lê Hồng Châu (đoạn còn lại); Đường Phạm Ngọc Thành (đoạn còn lại); Đường Phạm Văn Phái; Đường Liên tổ 14 - 35; Đường Lê Văn Sáu; Đường Huỳnh Văn Nhiều; Đường Châu Văn Đáo; Đường Lê Thị Sớm; Đường Nguyễn Văn Hai; Đường Nguyễn Văn Nhiều; Đường Phạm Thái Hùng; Đường kênh nhánh Lê Văn Thắm; Đường Lê Văn Thắm; Đường Bình Yên (đoạn còn lại), Đường Ngô Văn Huê (đoạn từ Đường Châu Văn Đáo đến Đường Dương Văn Mậu); Đường Nguyễn Văn Vem; Đường Nguyễn Văn Hảo, Đường Dương Văn Mậu, Đường Phan Thị Mão, Đường đản tổ 1-2 ấp Tân Hòa; Đường Tập đoàn 18; Đường vào khu tái định cư; Đường lộ Liên Tân.			900

18	Đường liên ấp Tân Lược 2; Tân Lược 1 (đoạn từ Đường tỉnh 866B đến cầu Bến Lội); Đường 30/4 (đoạn từ giáp Đường tỉnh 866 đến cầu Vĩ); Đường vào khu tái định cư; Đường Lê Thị Ngàn, Đường Dương Văn Lào; Đường Lê Thị Hớn.		950
19	Đường ADB	Toàn tuyến	800
20	Đường Lê Văn Sáu; Đường Mai Văn Rầy	Toàn tuyến	950
21	Đường Nguyễn Văn Nền; Đường Phạm Văn Hạnh; Đường Nghĩa trang (đoạn từ Đường tỉnh 866 đến giáp Đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương); Đường kênh Đứng Miếu Bà (từ kênh Xóm Phụng đến giáp ranh Đường xã Hưng Thạnh); Đường Bờ Cái (từ Đường kênh Xóm Phụng đến giáp xã Hưng Thạnh); Đường 30/4 (từ Nguyễn Văn Nền đến cuối kênh 30/4); Đường Kênh Nổi N1; Đường Huỳnh Văn Cừ; Đường Bờ Cái; Đường Nguyễn Văn Vững (đoạn từ cầu kênh rạch ông Đạo đến giáp xã Long An); Đường tổ 2 ấp Hội Đông; Đường Nguyễn Văn Lẹ ấp Tân Xuân.		900
22	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 1	950
23	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 2	1.200
24	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 3	1.400
25	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 4	2.600
26	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 5	1.300
27	Đất ở tại khu tái định cư Tân Hương	Vị trí 6	2.800

